

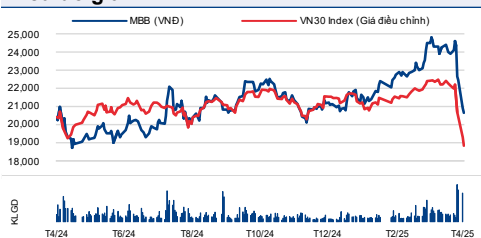
Mua vào

Giá mục tiêu: VNĐ29,500
Tiềm năng tăng/giảm: 42.9%

Giá cổ phiếu (đồng) (9/4/2025)	20,650
Mã Bloomberg	MBB VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	18,718-24,800
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	20,775
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	126,012
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	4,830
Slg CP lưu hành (tr.đv)	6,102
Slg CP NN được sở hữu (tr.đv)	1,465
Slg CP NN được mua (tr.đv)	0
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	24.0%
Tỷ lệ sở hữu của NN	24.0%
Tỷ lệ freefloat	51.3%
Cổ đông lớn	Viettel (19.0%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-24A	12-25F	12-26F
Tổng tài sản (ntđ)	1,129	1,396	1,755
Dư nợ cho vay (ntđ)	778	977	1,225
Tổng thu nhập HD (ntđ)	55.4	62.1	74.6
Lợi nhuận thuần (ntđ)	22.6	24.7	28.4
BVPS (đồng)	18,378	21,615	25,348
EPS (đồng)	3,742	4,040	4,657
DPS (đồng)	437	500	575
T.trưởng cho vay KH (%)	26.9	25.7	25.3
T.trưởng thu nhập HD (%)	17.1	12.0	20.2
Tăng trưởng EPS (%)	8.50	7.98	15.3
Tăng trưởng DPS (%)	15.6	14.4	15.0
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	11.7	12.4	12.3
ROAE (%)	22.1	20.2	19.8
ROAA (%)	2.18	1.95	1.80
Tỷ lệ NIM (%)	4.07	4.02	3.90
Tỷ lệ CIR (%)	30.7	29.4	30.7
Hệ số CAR (%)	11.0	10.3	9.60
Tỷ lệ nợ xấu (%)	1.62	1.58	1.50
LLR/nợ xấu (%)	92.9	86.4	88.9
Hệ số LDR (%)	109	106	101
P/B (lần)	1.12	0.96	0.81
P/E (lần)	5.52	5.11	4.43
Lợi suất cổ tức (%)	2.12	2.42	2.78

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

MBB là một ngân hàng có nguồn gốc từ quân đội và hiện sở hữu quy mô tài sản và tín dụng lớn nhất trong nhóm NH tư nhân. MBB hướng đến phát triển mô hình ngân hàng đa năng hàng đầu tại Việt Nam.

Chuyên viên phân tích

Nguyễn Thanh Tùng, CFA

Trưởng phòng, Ngành Dịch Vụ Tài Chính
tung.nguyenthanh@hsc.com.vn
+84 24 3933 4693 Ext. 4869

Phạm Liên Hà, CFA

Giám đốc, Ngành Dịch Vụ Tài Chính
ha.plien@hsc.com.vn
+84 24 3933 4693 Ext. 4852

Kế hoạch tăng trưởng lợi nhuận khiêm tốn 10% & cổ tức tiền mặt tỷ lệ 3%

- MBB đã công bố tài liệu ĐHCĐ với những chỉ tiêu chính bao gồm: Tín dụng tăng trưởng 23,7%, LNTT tăng trưởng 10%, tỷ lệ nợ xấu dưới 1,7% và hệ số CIR dưới 30%, nhìn chung sát với dự báo của chúng tôi.
- Đề xuất chi trả cổ tức cho năm 2024 bao gồm cổ tức bằng cổ phiếu tỷ lệ 32% và cổ tức bằng tiền mặt 300đ/cp.
- BLĐ xin ý kiến cổ đông về việc nhận chuyển giao bắt buộc MBV và tiếp tục kế hoạch phát hành riêng lẻ tối đa 62 triệu cổ phiếu. Tỷ lệ trần sở hữu nước ngoài vẫn giữ nguyên ở mức 23,24%.
- HSC duy trì khuyến nghị Mua vào và giá mục tiêu.

Sự kiện: Công bố tài liệu ĐHCĐ năm 2025

MBB đã công bố tài liệu ĐHCĐ với những thông tin chính như sau:

Những kế hoạch chính trong năm 2025

BLĐ trình cổ đông thông qua những kế hoạch chính trong năm 2025, bao gồm:

- Tín dụng tăng trưởng 23,7%, huy động vốn tăng trưởng 23,3%.
- LNTT tăng trưởng 10%.
- Tỷ lệ nợ xấu dưới 1,7%, hệ số CIR dưới 30%.
- Cổ tức: Cổ tức bằng cổ phiếu tỷ lệ 32% và cổ tức bằng tiền mặt 300đ/cp.

Nhận định của HSC: Kế hoạch tăng trưởng trong năm 2025 sát với chia sẻ trước đó của MBB. Tăng trưởng LNTT thấp hơn tương đối so với tăng trưởng tín dụng phản ánh những thách thức về điều kiện kinh doanh trước sức ép cạnh tranh làm ảnh hưởng tới tỷ lệ NIM và thu nhập phí, cùng với mức nền cao ở mảng kinh doanh nguồn vốn trong năm ngoài. Tỷ lệ chi trả cổ tức tiền mặt giảm xuống để cải thiện tỷ lệ an toàn vốn (hệ số CAR), đáp ứng mục tiêu tăng trưởng tín dụng mạnh mẽ. Mặc dù có sự khác biệt so với kỳ vọng trước đó, nhưng chính sách cổ tức không ảnh hưởng đáng kể tới dự báo và định giá của chúng tôi.

Thông tin về kế hoạch mua lại bắt buộc MBV

BLĐ trình cổ đông thông qua kế hoạch cụ thể hơn về việc mua lại bắt buộc và hỗ trợ cho Ngân hàng Thương mại TNHH Một thành viên Việt Nam Hiện Đại (MBV, trước đó là Oceanbank – Chưa niêm yết).

Quy mô và tình hình tài chính của MBV tại thời điểm cuối năm 2024:

- Vốn điều lệ: 0đ. Lũy kế: 15,7 nghìn tỷ đồng.

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 10/4.

(Xem tiếp trang 2)

Bảng 1: Kế hoạch kinh doanh năm 2025, MBB

MBB đặt kế hoạch tăng trưởng LNTT là 10%

	2024	KH 2025	Tăng trưởng	2025F	Dự báo/ Kế hoạch
Tăng trưởng tín dụng	24.5%	23.7%	-0.8 điểm %	24.6%	0.9 điểm %
LNTT (tỷ đồng)	28,829	31,712	10.0%	31,254	98.6%
Nợ xấu	1.6%	< 1.7%	Đi ngang	1.5%	Sát KH
Hệ số CIR	30.7%	< 30%	Cải thiện	29.4%	Sát KH
Cổ tức bằng cổ phiếu	15%	32%	Tăng	15%	
Cổ tức tiền mặt / cổ phiếu	500đ	300đ	Giảm	500đ	

Nguồn: MBB, HSC

- Tổng tài sản: 46,2 nghìn tỷ đồng, cho vay khách hàng 34,8 nghìn tỷ đồng, tiền gửi khách hàng 46,9 nghìn tỷ đồng.
- Mạng lưới chi nhánh: 21 chi nhánh, 80 phòng giao dịch tại 19 tỉnh thành.

Tại ĐHCĐ, BLĐ xin ý kiến thông qua:

- Góp vốn vào MBV để nâng vốn điều lệ với giá trị tối đa 5 nghìn tỷ đồng.
- Cung cấp hỗ trợ toàn diện cho MBV ở các lĩnh vực như quản trị, đào tạo, CNTT, hoạt động và các chức năng liên quan khác.
- Thực hiện các giao dịch giữa MBB và MBV với giá trị hơn 20% vốn điều lệ của MBB.
- Tìm kiếm cổ đông tiềm năng để tham gia đầu tư vào MBV.

Nhận định của HSC:

Đây là lần đầu tiên MBB công khai tình hình tài chính của MBV. Theo hiểu biết của chúng tôi, MBV có thể nhận được nguồn vốn chi phí thấp từ NHNN (bao gồm cả các khoản vay lãi suất 0%) và mua các khoản vay từ MBB, từ đó tạo ra lợi nhuận từ chênh lệch lãi suất để giúp giảm lỗ lũy kế. Giả định MBV mua 50 nghìn tỷ đồng các khoản vay từ MBB và kiếm được 6-8% lợi nhuận từ các khoản vay này, MBV sẽ mất từ 5-8 năm để bù đắp khoản lỗ lũy kế và đưa vốn CSH dương trở lại.

HSC vẫn đánh giá trung lập đối với tác động của thương vụ mua lại MBV.

- Nhìn chung, tác động của MBV đối với MBB nhiều khả năng sẽ không đáng kể do quy mô của MBV chỉ tương đương khoảng 5% tổng tài sản của MBB.
- MBB sẽ hưởng lợi từ việc được nâng hạn mức tăng trưởng tín dụng trong những năm tới, bao gồm năm 2025, và lợi nhuận tiềm năng từ việc thoái vốn MBV trong tương lai.
- Tuy nhiên, MBB sẽ phải chịu trách nhiệm về rủi ro tín dụng và các chi phí liên quan đến bán hàng đối với các khoản vay chuyển giao cho MBV.

Những giả định chi phí-lợi ích này đã phản ánh vào mô hình dự báo hiện tại của chúng tôi.

Kế hoạch tăng vốn

MBB đề xuất tiếp tục kế hoạch phát hành riêng lẻ tối đa 62 triệu cổ phiếu (tương đương 1% số lượng cổ phiếu đang lưu hành). Đây là một phần của kế hoạch đã được phê duyệt trước đó với tổng cộng 135 triệu cổ phiếu (được thông qua tại ĐHCĐ năm 2023), trong đó 73 triệu cổ phiếu đã được phát hành vào năm 2024 (phát hành cho Viettel và SCIC với giá 15.959đ/cp, tương đương P/B trượt 12 tháng tại thời điểm phát hành là 1 lần). Tỷ lệ trần sở hữu nước ngoài vẫn giữ nguyên ở mức 23,2351%, điều này cho thấy Ngân hàng vẫn nhắm đến NĐT trong nước cho đợt phát hành này.

HSC duy trì khuyến nghị Mua vào và giá mục tiêu

Những thông tin được công bố trong tài liệu ĐHCĐ nhìn chung sát với dự báo của chúng tôi. Do đó, HSC duy trì khuyến nghị Mua vào và giá mục tiêu.

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (nghìn tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Thu nhập lãi	69.1	69.1	85.1	108	134
Chi phí lãi	(30.5)	(27.9)	(35.5)	(48.1)	(61.8)
Thu nhập lãi thuần	38.7	41.2	49.6	60.0	72.0
Lãi thuần HĐ dịch vụ	4.09	4.37	4.88	5.56	6.57
Lãi thuần HĐ KDNH	1.21	2.00	2.30	2.72	3.32
Lãi/lỗ từ mua bán CK	0.84	4.56	0.97	1.37	1.82
Thu nhập từ góp vốn, mua cp	0.06	0.05	0.05	0.05	0.05
Thu nhập khác	2.43	3.28	4.26	4.87	5.23
Tổng thu nhập HĐ	47.3	55.4	62.1	74.6	89.0
Chi phí HĐ	(14.9)	(17.0)	(18.3)	(22.9)	(27.1)
LN trước dự phòng	32.4	38.4	43.8	51.7	61.9
Chi phí dự phòng	(6.09)	(9.58)	(12.5)	(15.7)	(18.9)
Lãi/lỗ từ Cty LD,LK	-	-	-	-	-
LNTT	26.3	28.8	31.3	36.0	43.0
Chi phí thuế TNDN	(5.25)	(5.88)	(6.25)	(7.20)	(8.60)
Lợi ích cổ đông thiểu số	(0.38)	(0.32)	(0.35)	(0.38)	(0.42)
Lợi nhuận thuần	20.7	22.6	24.7	28.4	34.0
EPS (đồng)	3,448	3,742	4,040	4,657	5,565
DPS (đồng)	378	437	500	575	661
Slg CP bình quân (triệu đv)	5,996	6,049	6,102	6,102	6,102
Slg CP cuối kỳ (triệu đv)	5,996	6,102	6,102	6,102	6,102
Slg CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	5,996	6,102	6,102	6,102	6,102

Bảng cân đối kế toán (nghìn tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Tài sản					
Tiền & tương đương tiền	3.68	3.35	5.25	6.77	8.39
Tiền gửi tại NHNN	66.3	29.8	31.5	40.6	50.3
Tiền gửi tại các TCTD khác	46.3	76.8	94.8	147	208
Chứng khoán kinh doanh	44.3	7.93	7.79	9.13	11.1
Các công cụ tài chính phái sinh	0.14	0	0	0	0
Số dư cho vay thuần	601	766	964	1,209	1,457
Tổng dư nợ cho vay	613	778	977	1,225	1,477
Dự phòng rủi ro	(11.5)	(11.7)	(13.3)	(16.3)	(19.2)
Chứng khoán đầu tư	148	210	251	295	358
CK đầu tư sẵn sàng để bán	143	206	247	289	351
CK đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	5.39	4.61	5.19	6.09	7.38
Dự phòng rủi ro	(0.48)	(0.48)	(0.50)	(0.52)	(0.56)
Đầu tư dài hạn	0.62	0.61	0.61	0.61	0.61
Tài sản cố định	5.09	5.66	6.16	6.66	7.16
Tài sản khác	29.2	29.0	35.1	40.7	46.3
Tổng tài sản	945	1,129	1,396	1,755	2,147
Nợ phải trả	848	1,012	1,260	1,595	1,960
Tiền gửi của NHNN	0.01	8.16	10.2	0.06	0.06
Tiền gửi của các TCTD khác	99.8	110	141	176	211
Tổng tiền gửi KH	568	714	925	1,218	1,544
Trái phiếu và CCTG	126	129	126	135	134
Nợ khác	54.4	50.1	57.4	65.7	70.7
Vốn chủ sở hữu	92.7	112	132	155	182
Vốn điều lệ	52.1	53.1	70.2	80.7	92.8
Thặng dư vốn cổ phần	0.87	1.30	1.30	1.30	1.30
Lợi nhuận giữ lại	25.6	40.7	39.9	48.4	59.4
Quỹ & vốn khác của CSH	14.2	17.1	20.5	24.3	28.6
Lợi ích cổ đông thiểu số	3.97	4.91	4.91	4.91	4.91
Tổng nợ phải trả và vốn CSH	945	1,129	1,396	1,755	2,147
BVPS (đồng)	15,466	18,378	21,615	25,348	29,834

Chỉ số tăng trưởng, hiệu quả & định giá	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Chỉ số tăng trưởng					
Tăng trưởng tổng TS (%)	29.7	19.5	23.7	25.6	22.4
Tăng trưởng cho vay KH (%)	32.8	26.9	25.7	25.3	20.5
Tăng trưởng huy động KH (%)	27.9	25.8	29.5	31.7	26.8
Tăng trưởng tiền gửi và CCTG (%)	28.5	21.5	24.6	28.8	24.0
Tăng trưởng VCSH (%)	22.1	20.9	17.6	17.3	17.7
Tăng trưởng thu nhập lãi thuần (%)	7.39	6.38	20.5	21.0	20.0
Tăng/giảm chi phí hoạt động (%)	0.66	14.0	7.43	25.3	18.5
Tăng trưởng LN trước dự phòng (%)	5.25	18.6	14.0	18.1	19.7
Tăng trưởng LNTT (%)	15.7	9.59	8.41	15.2	19.4
Tăng trưởng LN thuần (%)	18.3	9.46	8.93	15.3	19.5

Chỉ số hiệu quả					
Tổng TN HĐ/Tổng TS BQ (%)	5.65	5.34	4.92	4.73	4.56
Chi phí/Tổng TS bình quân (%)	(1.78)	(1.64)	(1.45)	(1.45)	(1.39)
TS sinh lãi BQ/tổng TS BQ (%)	96.6	97.4	97.6	97.7	97.9
Tổng TN HĐ/nhân viên (tỷ đồng)	2.90	2.97	3.26	3.57	3.87
LN thuần/CN, Phòng GD (tỷ đồng)	69.2	71.0	77.0	86.1	99.9

Chỉ số định giá					
P/E (lần)	5.99	5.52	5.11	4.43	3.71
P/B (lần)	1.34	1.12	0.96	0.81	0.69
Lợi suất cổ tức (%)	1.83	2.12	2.42	2.78	3.20

Chỉ số lợi nhuận & chỉ số khác	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Chỉ số lợi nhuận					
TN thuần/Tổng TN HĐ (%)	43.7	40.8	39.7	38.1	38.2
ROAA (%)	2.47	2.18	1.95	1.80	1.74
ROAE (%)	24.5	22.1	20.2	19.8	20.2
Chi phí huy động BQ (%)	4.35	3.18	3.28	3.52	3.62
Lợi suất góp BQ (%)	8.56	6.84	6.90	7.02	7.01
Lợi suất thuần (%)	4.20	3.66	3.62	3.50	3.39
Tỷ lệ NIM (%)	4.79	4.07	4.02	3.90	3.77
TN lãi thuần/Tổng TN HĐ (%)	8.64	7.88	7.86	7.45	7.38
Lãi thuần HĐ DV/Tổng TN HĐ (%)	81.8	74.3	79.9	80.5	80.9
TN ngoài lãi khác/Tổng TN HĐ (%)	9.59	17.9	12.2	12.1	11.7
Tỷ lệ CIR (%)	31.5	30.7	29.4	30.7	30.5
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	11.0	11.7	12.4	12.3	11.9

Chỉ số an toàn vốn					
Hệ số CAR (%)	10.8	11.0	10.3	9.60	9.22
VCSH/Tổng TS (%)	9.81	9.94	9.45	8.82	8.48
Đòn bẩy vốn (lần)	10.2	10.1	10.6	11.3	11.8

Chỉ số chất lượng tài sản					
Tỷ lệ nợ xấu (%)	1.60	1.62	1.58	1.50	1.40
Hệ số LLR (%)	118	92.9	86.4	88.9	92.7

Chỉ số thanh khoản					
Hệ số LDR (%)	108	109	106	101	95.7
Vay liên NH/ Tổng huy động (%)	12.6	11.6	11.9	11.5	11.2
Dư nợ cho vay/ Tổng TS (%)	64.9	68.9	70.0	69.8	68.8

Quy mô					
Số chi nhánh, phòng GD	299	319	320	330	340
Số lượng nhân viên	16,324	18,639	19,012	20,913	23,004

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2021.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

HSC có thể sử dụng các nghiên cứu trong báo cáo này cho hoạt động mua bán chứng khoán tự doanh hoặc mua bán chứng khoán cho các quỹ mà HSC đang quản lý. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo những gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên gia phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch chứng khoán trái ngược với ý kiến tư vấn và quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Nhân viên của HSC có thể có lợi ích tài chính ở những chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ có liên quan. HSC có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập đến trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 5 & 6, Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Quận 1, TPHCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn